

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 16/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Nguyễn Viết Tác

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST - HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

MA VĂN H (tên gọi khác, không), sinh ngày 20 tháng 3 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha ruột: Không rõ; Họ và tên cha dượng: Ông Nông Đình N; Họ và tên mẹ: Bà Ma Thị M; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01 (Một), Bản án số 14/2017/HSST ngày 26/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn tuyên phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 13/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đến nay chưa được xóa án tích đối với bản án trên; Tiền sự: Không; nhân thân: Xấu. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Ông Nông Đình N; sinh năm 1970. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Hải H1; sinh năm 1984. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

2. Anh Văn Phúc C; sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/6/2019, Ma Văn H đi từ nhà bà nội về nhà mình. Khi về đến nhà, H thấy nhà khóa cửa ngoài, trong nhà không có ai, H lấy chìa khóa tại vị trí gia đình H vẫn cất mỗi khi đi làm để mở cửa vào trong nhà. Sau đó, H xem ti vi một lúc, đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, H đi qua giường ngủ của bố mẹ (ông Nông Đình N và bà Ma Thị M) thì thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, có vỏ ốp lưng bằng nhựa màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của ông Nông Đình N (bố dượng của H) đang sạc pin đặt trên tấm ván để đồ đóng bên trên đầu giường. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên rút sạc rồi cho điện thoại vào túi quần và đi bộ ra khỏi nhà. Khi đi qua quán sửa xe của Hoàng Hải H1 thì thấy H1 đang ở nhà, H biết H1 phải đi uống thuốc Methadone nên H hỏi H1 cho đi nhờ lên thị trấn B, H1 đồng ý.

Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, H1 và H đến thị trấn B, H đi đến 02 cửa hàng điện thoại để cầm cố chiếc điện thoại đã trộm nhưng không được. Sau đó, H1 tiếp tục chở H lên Trung tâm y tế huyện C (thuộc tổ 1, thị trấn Bằng Lũng) thì gặp Văn Phúc C cũng đi uống thuốc. H đưa điện thoại cho H1 và nhờ H1 cầm cố chiếc điện thoại với C được số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), H1 đưa lại tiền cho H, sau đó, H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Ông Nông Đình N sau khi phát hiện bị mất điện thoại đã hỏi H và H thừa nhận việc mình lén lút mang điện thoại của ông N đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài, H hứa sẽ đi chuộc về để trả cho ông N nhưng hơn một tháng sau H không đem điện thoại về trả nên ông N đã làm đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24a/HĐ-ĐGTSTTHS ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: *“Tổng giá trị của chiếc điện thoại Iphone 5 (nêu trên) tại thời điểm ngày 16/6/2019 có giá: 700.000,đồng. (Bảy trăm nghìn đồng)”*.

* Về vật chứng trong vụ án gồm có: 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bản 16gb, điện thoại đã qua sử dụng của ông Nông Đình N, sau khi cầm cố cho Văn Phúc C, khoảng một tháng sau không thấy H và H đến chuộc lại nên C đã bán cho người đàn ông không quen biết.

Chiếc vỏ ốp lưng bằng nhựa màu đen, ngày 16/6/2019 H đã vứt trên đường đi từ nhà lên thị trấn B, H không nhớ vị trí đã vứt nên không tìm kiếm và thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nông Đình N không đề nghị bị cáo phải bồi thường tài sản đã bị chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSCĐ ngày 25/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Ma Văn H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 có nội dung quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b) Đã bị kết án về tội này....chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử;

- Tuyên bố bị cáo Ma Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56; của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ma Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù của bản án số 48/2019/HS - ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nông Đình N không đề nghị bị cáo phải bồi thường tài sản đã bị chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có - cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136/BLTTHS 2015 và Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Ma Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại Bản án số 14/2017/HSST ngày 26/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn tuyên phạt bị cáo Ma Văn H 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 13/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị cáo chưa được xóa án tích; Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 16/6/2019, bị cáo Ma Văn H đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bản 16gb, đã qua sử dụng của ông Nông Đình N (bố dượng H) tại nhà của gia đình bị cáo thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó bị cáo đưa điện thoại cho H1 và nhờ H1 cầm cố chiếc điện thoại với C được số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), H1 đưa lại tiền cho bị cáo và đã tiêu sài cá

nhân hết số tiền trên. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại có giá là 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với bị cáo và đúng quy định của pháp luật. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn và có ông nội là Nông Đình M được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo đang phải chấp hành 12 (mười hai) tháng phạt tù tại Bản án số 48/2019/HS - ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019. Vì vậy 12 (mười hai) tháng tù được tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Căn cứ tài liệu xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Hoàng Hải H1 và Văn Phúc C, H không nói cho H1 và C về việc trộm cắp chiếc điện thoại nên H1 và C không biết chiếc điện thoại là do H trộm cắp mà có, vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H1 và C.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Hoàng Hải H1 và Văn Phúc C không yêu cầu gì đối với bị cáo Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bản 16gb, điện thoại đã qua sử dụng của ông Nông Đình N, sau khi cầm cố cho Văn Phúc C, khoảng một tháng sau không thấy H1 và H đến chuộc lại nên C đã bán cho người đàn ông không quen biết.

- Chiếc vỏ ốp lưng bằng nhựa màu đen, ngày 16/6/2019 H đã vứt trên đường đi từ nhà lên thị trấn B, H không nhớ vị trí đã vứt nên không tìm kiếm và thu giữ được.

- Số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có - cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Ma Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp với 12 (mười hai) tháng tù của bản án số 48/2019/HS - ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo Ma Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 (hai mươi tư) tháng tù (trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019 theo bản án số 48/2019/HS - ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Không phạt tiền đối với bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo nộp lại 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.

* Án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136/BLTTHS năm 2015; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Ma Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS h CĐồn;
- VKS t B.Kạn;
- CA h CĐồn;
- CCTHADS hCĐ;
- TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người QLVNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Hưng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKS h CĐồn : 2
- CA h CĐồn 2
- CCTHADS hCĐ : 1
- TA Tỉnh: 1
- Bị cáo 1
- Ng B hại 1
- Sở Tư pháp tỉnh 1
- Lưu HS 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hiến Công Hanh

